

# XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG BỐI CẢNH CÁC RÀO CẢN THƯƠNG MẠI XANH

## VIETNAM'S AGRICULTURAL PRODUCTS EXPORT TO THE EU MARKET IN THE CONTEXT OF GREEN TRADE BARRIERS

Ngày nhận bài: 23/06/2022

Ngày chấp nhận đăng: 15/9/2022

*Vũ Thị Thanh Huyền* ✉

### TÓM TẮT

Trong những năm vừa qua, EU luôn được coi là thị trường xuất khẩu có nhiều tiềm năng đối với nông sản của Việt Nam. Đặc biệt, hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực mở ra nhiều cơ hội lớn cho nhiều nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng các rào cản xanh trong thương mại, với các mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, đã gây ra nhiều trở ngại lớn cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam khi gia nhập thị trường này. Thông qua nguồn dữ liệu thứ cấp và các phương pháp nghiên cứu định tính như thống kê, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, ..., nội dung bài viết làm rõ thực trạng xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh các rào cản xanh. Kết quả nghiên cứu chỉ rằng, các rào cản xanh có xu hướng tiếp tục gia tăng trong những năm gần đây, các rào cản xanh có các ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

**Từ khóa:** nông sản, xuất khẩu, rào cản xanh, EU, EVFTA.

### ABSTRACT

In recent years, the EU has always been considered as a potential export market for Vietnamese agricultural products. In particular, the EVFTA officially took effect, opening up many great opportunities for Vietnam's agricultural exports. However, the trend of increasing green barriers in trade, with the goals of sustainable development and protection of the ecological environment, has caused many major obstacles for Vietnam's agricultural products when joining this market. Through secondary data sources and qualitative research methods such as statistics, synthesis, comparison, contrast, ..., the article analyzes the current situation of Vietnam's agricultural exports to the EU market in the context of green trade barriers. The research results show that green barriers tend to continue to increase in recent years, and green barriers have both positive and negative effects on Vietnam's agricultural exports.

**Keywords:** agriculture products, export, green barriers, EU, EVFTA.

### 1. Đặt vấn đề

Các rào cản thương mại xanh được đưa ra nhằm thu hút nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, một số nước phát triển và các nước khác đã áp dụng các quy định này để kiểm soát nhập khẩu từ các nước đang phát triển, nơi có tiêu chuẩn môi trường thấp hơn. Những rào cản này cũng được coi là những rào cản phi thuế quan và không có một tổ chức quốc tế hay một khung chính sách chung nào đủ mạnh để thực thi những rào cản này. Trong những năm gần đây, xuất

khẩu nông sản Việt Nam thường xuyên đối mặt với những rào cản về thương mại với những lý do như: bảo vệ môi trường sinh thái, thúc đẩy tiêu dùng xanh, ...; đã gây ra không ít những ảnh hưởng tiêu cực đến kim ngạch xuất khẩu. Liên minh Châu Âu (EU) là một trong những đối tác thương mại ổn định và quan trọng nhất của Việt Nam, đồng thời, là thị trường xuất khẩu lớn thứ ba của

---

Vũ Thị Thanh Huyền, Bộ môn Kinh tế học,  
Trường Đại học Thương mại

✉Email: thanhhuyenvu86@tmu.edu.vn

Việt Nam (sau thị trường Hoa Kỳ, Trung Quốc) (Tổng cục Thống kê, 2021). Kết quả của Hiệp định EVFTA đã giúp nhiều loại hàng hóa của hai bên được miễn giảm thuế theo lộ trình. Bên cạnh đó, những yêu cầu khắt khe về chất lượng nông sản, kiểm dịch động thực vật, tiêu chuẩn đảm bảo về môi trường như dư lượng thuốc kháng sinh, thuốc trừ sâu, nguồn gốc xuất xứ các mặt hàng nông sản... của EU đã và đang là những thách thức lớn của nông sản Việt Nam khi gia nhập thị trường này. Điều này đòi hỏi cần có sự nghiên cứu, đánh giá một cách hệ thống về thực trạng xuất khẩu nông sản Việt Nam sang EU trong bối cảnh các rào cản xanh, nhận diện các tác động tích cực và tiêu cực để có những giải pháp phù hợp trong tương lai.

## **2. Tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu về tác động của rào cản xanh đến thương mại nông sản**

### **2.1. Tổng quan một số nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm có liên quan về tác động của rào cản xanh đến thương mại nông sản**

Sử dụng các con số được thông báo của SPS (Hiệp định áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật) làm chỉ số đo lường các rào cản xanh để nghiên cứu ảnh hưởng thương mại của nó đối với xuất khẩu nông sản của Trung Quốc, nghiên cứu của Li & Zhu (2020) cho thấy rằng trong giai đoạn hiện tại và năm thứ ba, các rào cản xanh có tác động tích cực đến xuất khẩu nông sản của Trung Quốc và trong năm thứ ba, chúng có tác động chuyển hướng thị trường tích cực đối với xuất khẩu nông sản ở Trung Quốc, điều này cho phép nông sản Trung Quốc tăng thị phần của họ ở các nước khác. Còn Kuppusamy & Gharleghi (2014) dựa trên dữ liệu bảng hỏi 200 nhân viên của các công ty thương mại nông sản ở Xi'an của tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc và sử dụng phương pháp bình quân nhỏ nhất cho thấy rào cản xanh có

tác động tích cực đáng kể đối với xuất khẩu nông sản của Trung Quốc. Su (2021) cũng cho rằng, trong ngắn hạn, việc thực hiện các rào cản thương mại xanh sẽ làm giảm lượng nông sản xuất khẩu và nâng cao giá bán ra nước ngoài. Về lâu dài, việc thực hiện cản trở thương mại xanh sẽ thúc đẩy tiến bộ khoa học công nghệ, tăng lượng nông sản bán ra nước ngoài và mở rộng thị trường đa dạng.

Trong khi đó, Xue (2010) cho rằng, các rào cản xanh đã trở thành nút thắt hạn chế xuất khẩu nông sản của Trung Quốc; rào cản xanh có thể có các tác động tích cực và tiêu cực đến xuất khẩu nông sản của Trung Quốc (Wei, 2019). Tương tự, kết quả nghiên cứu của Chen & cộng sự (2008) cho thấy các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm do các nước nhập khẩu áp đặt có ảnh hưởng tiêu cực và có ý nghĩa thống kê đến xuất khẩu nông sản của Trung Quốc. Hiệu quả thương mại của các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm lớn hơn nhiều so với thuế nhập khẩu. Còn theo *Medi (2018)*, ảnh hưởng của các tiêu chuẩn thực phẩm có thể không đồng nhất giữa các ngành hoặc quốc gia: chúng đôi khi đóng vai trò là rào cản đối với thương mại, nhưng trong những trường hợp khác có thể dẫn đến gia tăng thương mại. Thông qua kết quả thực nghiệm về xuất khẩu thủy sản của Na Uy cho thấy rằng các tiêu chuẩn thực phẩm nước ngoài, được đo lường bằng các thông báo vệ sinh và kiểm dịch động thực vật cho WTO, thường có tác động tiêu cực đến tổng xuất khẩu, số lượng nhà xuất khẩu và xuất khẩu trung bình của họ. Tuy nhiên, đối với hải sản tươi sống lại có tác dụng ngược tích cực, các tiêu chuẩn thực phẩm làm giảm sự không chắc chắn của người tiêu dùng về chất lượng và an toàn và do đó làm tăng nhu cầu.

Một số kết luận tương tự được tìm thấy trong các nghiên cứu khác. (Wei & cộng sự, 2012, Grant & cộng sự, 2015, Ngatsi & cộng sự, 2021, Li and C.Beghin, 2012, Mingque

and Slisava, 2016, Darhyati & cộng sự, 2017)

Bên cạnh đó, một số nghiên cứu về ảnh hưởng SPS đến xuất khẩu nông sản khác lại cho thấy tác động tích cực của SPS đến xuất khẩu nông sản. Wood & cộng sự (2017b) phân tích tác động của hai hình thức biện pháp phi thuế quan, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) và các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật, đối với hàng xuất khẩu của Hàn Quốc sang Trung Quốc. Để đo lường các tác động, nghiên cứu sử dụng phiên bản điều chỉnh của mô hình trọng lực. Kết quả cho thấy các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật của Trung Quốc, được ước tính sử dụng cả tỷ lệ bao phủ và chỉ số tần suất, có mối tương quan tích cực với xuất khẩu nông sản của Hàn Quốc; tuy nhiên, các biện pháp TBT của Trung Quốc, khi được ước tính theo tỷ lệ bao phủ, được cho là làm giảm xuất khẩu nông sản và xuất khẩu của Hàn Quốc nói chung. Tuy nhiên, sử dụng chỉ số tần suất, các biện pháp TBT của Trung Quốc được phát hiện có tác động tiêu cực không đáng kể về mặt thống kê đối với xuất khẩu của Hàn Quốc sang Trung Quốc.

Các kết luận tương tự tìm thấy trong một số nghiên cứu khác (Henson & Loade, 2001, Wood & cộng sự, 2017a, Gibson & Wang, 2017, Shepherd & L.W.Wilson, 2013, Wood & cộng sự, 2019, WONGMONTA)

Brandi & cộng sự (2020) đưa ra một tập dữ liệu chi tiết mới về một loạt các điều khoản môi trường trong 680 PTA, kết hợp với một nhóm các dòng thương mại song phương trên toàn thế giới từ năm 1984 đến năm 2016. Kết quả cho thấy rằng các điều khoản về môi trường có thể giúp giảm xuất khẩu bản và tăng xuất khẩu xanh từ các nước đang phát triển Quốc gia. Hiệu ứng này đặc biệt rõ rệt ở các nước đang phát triển với các quy định nghiêm ngặt về môi trường. Nó cũng cho thấy rằng việc thiết kế các hiệp

định thương mại rất quan trọng. Các điều khoản về môi trường có thể được sử dụng như các công cụ chính sách mục tiêu để thúc đẩy chuyển đổi xanh và tận dụng sự hiệp đồng giữa các tác động kinh tế và môi trường của việc đưa các điều khoản về môi trường vào các hiệp định thương mại.

Tại Việt Nam, Khoi & Thuy (2014) cho rằng, các rào cản xanh có thể tạo ra cả tác động tích cực và tiêu cực đối với thương mại quốc tế. Tuy nhiên, số lượng các rào cản này không ngừng tăng lên mà không có bất kỳ hệ thống giám sát nào. Dựa trên việc phân tích tác động của các rào cản thương mại xanh đối với mối quan hệ thương mại của Việt Nam và Liên minh Châu Âu, nghiên cứu đưa ra một nhận định quan trọng: yêu cầu nâng cấp công nghệ để đáp ứng chính xác các quy định kỹ thuật và chi phí đánh giá sự phù hợp thực sự làm tăng chi phí sản xuất cho các công ty vừa và nhỏ trong ngắn hạn. Tuy nhiên, những điều chỉnh thích hợp đối với những yêu cầu này sẽ mang lại một số lợi ích lâu dài. Hiểu được Thực hành Nông nghiệp Tốt sẽ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như năng suất và điều này sẽ mở ra cơ hội tiếp cận với các thị trường phát triển để thu được lợi nhuận cao hơn. Ngoài ra, tại Việt Nam, đã có khá nhiều các nghiên cứu về các tác động của các rào cản phi thuế như SPS, TBT đến xuất khẩu nói chung và xuất khẩu nông sản nói riêng. Chẳng hạn, nghiên cứu Nguyễn Anh Thu & cộng sự (2014) đã chỉ ra các tác động tích cực và cả tiêu cực của các biện pháp SPS và TBT đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trên các thị trường xuất khẩu chủ yếu như ASEAN, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc. Tương tự là nghiên cứu của Nguyễn Quốc Thái (2020) về các biện pháp SPS và TBT đối với hàng rau quả xuất khẩu sang EU-27; nghiên cứu của Nguyễn Bích Thủy (2020) về rào cản phi thuế quan đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam; nghiên cứu của Nguyễn Hương

Giang & cộng sự (2022) về ảnh hưởng của các biện pháp phi thuế quan đối với ngành nông sản: tổng quan lý thuyết; ... Bằng các phương pháp nghiên cứu định tính, các nghiên cứu đều chỉ ra các ảnh hưởng tích cực và tiêu cực, các cơ hội và thách thức của các rào cản phi thuế đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam nói chung và xuất khẩu nông sản của Việt Nam nói riêng.

Như vậy, thông qua quá trình tổng quan nghiên cứu, có thể thấy rằng, các nghiên cứu về rào cản thương mại xanh khá phổ biến trên thế giới, tuy nhiên, tại Việt Nam, chưa có nhiều nghiên cứu tập trung vào khía cạnh này. Do đó, đây sẽ là một điểm mới trong bài báo của tác giả.

## **2.2. Một số lý thuyết về tác động của rào cản xanh đến xuất khẩu nông sản**

### **2.2.1. Khái niệm Rào cản xanh**

Hàng rào xanh được phát triển trong giai đoạn sau của thế kỷ 20. Hàng rào xanh là tên viết tắt của Hàng rào xanh đối với thương mại. Đôi khi người ta gọi nó là Rào cản thương mại môi trường và Thương mại môi trường. Nói chung, để bảo vệ sự an toàn, chính phủ và cộng đồng quốc tế công bố các quy định, chính sách và luật pháp. Cộng đồng quốc tế thông qua các cơ quan hữu quan gián tiếp hạn chế các hoạt động thương mại quốc tế. Nói cách khác, tác động của các quy định, tiêu chuẩn đó nhằm ngăn chặn ảnh hưởng có hại do một số hoạt động thương mại quốc tế gây ra. Không có định nghĩa rõ ràng và được chấp nhận rộng rãi về hàng rào thương mại xanh. Với sự phát triển không ngừng của các rào cản kỹ thuật, các rào cản xanh (Green Barriers, GBs) đã trở thành một bộ phận quan trọng của các rào cản kỹ thuật. Các rào cản xanh được tạo ra từ tác động hỗn hợp của nhu cầu quốc tế về bảo vệ môi

trường cũng như kết quả tất yếu của sự phát triển thương mại quốc tế.

Theo Ren (2018), hàng rào thương mại xanh là một loại hàng rào kỹ thuật thương mại do các nước xuất nhập khẩu thiết lập để bảo vệ môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng trong các hoạt động thương mại quốc tế. Nó cũng là một loại rào cản thương mại kỹ thuật có tác động đến thương mại xuất nhập khẩu. Đó là một hình thức thương mại quốc tế, nhân danh bảo vệ các nguồn tài nguyên có hạn, môi trường và sức khỏe con người, hạn chế hoặc cấm nhập khẩu hàng hóa nước ngoài bằng cách cố ý thiết lập một loạt các tiêu chuẩn môi trường khắc nghiệt cao hơn mức được quốc tế chấp nhận hoặc không thể chấp nhận được đối với đại đa số các quốc gia, và thiết lập các rào cản thương mại để đạt được mục đích bảo hộ mậu dịch.

Các rào cản thương mại xanh là các biện pháp liên quan đến thương mại bao gồm tất cả các hạn chế do một quốc gia hoặc một nhóm quốc gia áp đặt đối với hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia khác dựa trên mối quan ngại về môi trường. (Khoi and Thuy, 2014)

Nguyên nhân dẫn đến rào cản xanh có thể xuất phát từ 4 bốn vấn đề đó là (i) *Vấn đề môi trường toàn cầu*; (ii) *Khuôn khổ của chính sách bảo hộ nông sản*; (iii) *Sự thay đổi của phong cách tiêu dùng theo hướng bảo vệ môi trường sinh thái* và (iv) *Xuất phát từ luật và quy định quốc tế có liên quan*.

### **2.2.2. Các loại rào cản xanh**

Hàng rào thương mại xanh chủ yếu được đặc trưng bởi các loại sau: (Wei, 2019)

1. Hệ thống thuế quan xanh: Các nước nhập khẩu áp dụng phụ phí nhập khẩu đối với một số sản phẩm nhập khẩu gây ra các mối đe dọa và hủy hoại môi trường.

2. Tiêu chuẩn công nghệ xanh, là một loạt các tiêu chuẩn công nghệ bảo vệ môi trường nghiêm ngặt do quốc gia đặt ra dựa trên lợi thế công nghệ của mình nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

3. Hệ thống bao bì xanh, đòi hỏi vật liệu đóng gói phải thân thiện với môi trường và dễ tái chế hoặc phân hủy tự nhiên..

4. Logo môi trường xanh, dùng để chỉ một mẫu được cấp cho doanh nghiệp hoặc in trên bao bì sản phẩm thông qua quy trình phức tạp và tiêu chuẩn chứng nhận nghiêm ngặt.

5. Hệ thống kiểm dịch và sức khỏe xanh. Để bảo vệ sức khỏe và môi trường sinh thái của con người, động vật và thực vật, hải quan sẽ thực hiện một hệ thống kiểm dịch và sức khỏe nghiêm ngặt đối với các sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu.

### 2.2.3. Các tác động của rào cản xanh

Việc sử dụng rộng rãi các rào cản thương mại xanh trong lĩnh vực thương mại quốc tế có tác động nghiêm trọng đến sự phát triển bình thường của thương mại quốc tế, cũng như sự phát triển của nền kinh tế quốc gia. Xét về các nước đang phát triển, đặc biệt là nền kinh tế định hướng xuất khẩu của đất nước, các rào cản thương mại xanh sẽ có những ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của nền kinh tế các nước đang phát triển.

#### a) Về tác động tích cực:

**Thứ nhất**, các rào cản xanh có tác dụng thay đổi hành vi tiêu dùng của người tiêu dùng trên thế giới theo hướng bảo vệ và giữ gìn môi trường chung của trái đất.

**Thứ hai**, phát triển các sản phẩm xanh có thể giúp doanh nghiệp nâng cao lợi thế cạnh tranh; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của doanh nghiệp nói chung. Thúc đẩy sự phát triển của sản phẩm một cách có ý thức và tìm ra nhiều sản phẩm không ô nhiễm, nâng cao trình độ khoa học công nghệ cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất nội bộ và chất lượng sản phẩm.

#### b) Tác động tiêu cực:

**Thứ nhất**, về xuất khẩu, các nước phát triển đang thúc đẩy mạnh mẽ các sản phẩm

xanh, chẳng hạn như các sản phẩm xanh của Pháp chiếm 30% tổng chung loại hàng hóa của quốc gia, vì vậy nhiều sản phẩm xuất khẩu bị cản trở nghiêm trọng do khả năng tiếp cận thị trường ở các nước này.

**Thứ hai**, nó sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của các nước xuất khẩu. Một số quốc gia phát triển không chỉ đặt ra các rào cản xanh mà còn chuyển giao ngành công nghiệp gây ô nhiễm sang các nước đang phát triển, chẳng hạn như Hoa Kỳ, Nhật Bản và các nước khác.

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để giải quyết các vấn đề nghiên cứu. Trước hết bằng phương pháp tổng quan tài liệu, tác giả tổng hợp khung lý luận về rào cản xanh và các tác động của rào cản xanh trong thương mại đến xuất khẩu nông sản. Tiếp đến, bằng phương pháp tổng hợp, so sánh và phân tích và diễn giải, tác giả khái quát thực trạng xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU, làm rõ những tồn tại trong xuất khẩu nông sản vào thị trường này.. Cuối cùng, thông qua tổng quan tài liệu và suy luận, tác giả phân tích những tác động tích cực và tiêu cực của các rào cản xanh trong thương mại đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam vào EU.

## 3. Các kết quả và thảo luận

### 3.1. Một số quy định về rào cản xanh trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU

#### 3.1.1. Một số quy định của EU liên quan đến hàng nông sản xuất khẩu:

Liên quan đến hàng nông sản xuất khẩu, các quy định hiện hành của EU vô cùng khắt khe; bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau như: các quy định về vệ sinh và an toàn thực phẩm, Quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và tạp chất, Quy định kiểm dịch thực vật, ...(*Trung tâm WTO, 2021a*)

*Các quy định của EU về vệ sinh an toàn thực phẩm* bao gồm tất cả các khâu, từ sản xuất, chế biến, đến phân phối và đưa ra thị trường đối với tất cả các thực phẩm dành cho con người. Các yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm được quy định trong Luật Thực phẩm chúng theo quy định số 178/2002 và quy định số 852/2004 về Vệ sinh thực phẩm, cùng với một số văn bản dưới luật và văn bản thực thi. Trong đó, quy định về các thủ tục quản lý an toàn thực phẩm dựa trên nguyên tắc Phân tích các mối nguy hiểm và điểm kiểm soát quan trọng (the Hazard Analysis and Critical Control Point- HACCP) là một trong số quy định có ảnh hưởng lớn đến các nhà xuất khẩu nông sản sang Châu Âu. Các thành viên EU được yêu cầu rằng, các công ty thực phẩm nước ngoài cần đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc HACCP trong sản xuất thực phẩm xuất khẩu sang EU. Tuy các doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài không phải cung cấp chứng nhận HACCP tại biên giới nhập khẩu, nhưng họ vẫn cần lưu giữ tất cả các bằng chứng, hồ sơ để chứng minh việc tuân thủ nguyên tắc HACCP. Đồng thời, các nhà nhập khẩu EU thường yêu cầu cung cấp chứng nhận HACCP kèm theo sản phẩm nông sản đã được chế biến. (Trung tâm WTO, 2021a)

*Về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:* EU có tập hợp mức độ dư lượng tối đa (MRL) cho thuốc bảo vệ thực vật của riêng mình. Đến năm 2008, EU đã hài hòa hóa các quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật của các nước thành viên, và xây dựng các quy định về mức độ dư lượng tối đa chung tại Quy định EC số 396/2005 (và các quy định sửa đổi).

*Quy định về tạp chất:* nguyên tắc của EU về quy định hàm lượng tối đa đối với các tạp chất thực phẩm được chỉ định trong Quy định của Ủy ban số 1881/2006 cập nhật năm 2022; và kiểm soát tạp chất thực phẩm được nêu chi tiết trong Quy định của Hội đồng số

35/93/EEC. Hàm lượng giới hạn về thuốc bảo vệ thực vật và tạp chất được cập nhật thường xuyên. Ngoài các giới hạn chung cho thực phẩm, EU cũng có các quy định riêng, giới hạn đối với một số sản phẩm cụ thể.

#### *Quy định kiểm dịch thực vật*

Để xuất khẩu sang EU, các nhà sản xuất và xuất khẩu phải tuân thủ các quy định về sức khỏe thực vật do EU đưa ra nhằm bảo vệ cây trồng khỏi các sinh vật gây hại như sâu bệnh. Chỉ thị 2000/29/EC của Ủy ban Châu Âu ban hành quy định thống nhất về điều kiện kiểm dịch thực vật. Quy định này được áp dụng cho tất cả bên xuất khẩu đến EU. Theo chỉ thị này, thực vật và sản phẩm từ thực vật nhập khẩu không được phép chứa các sinh vật gây hại nguy hiểm.

Bên cạnh đó, EU cũng có những quy định khắt khe liên quan đến chứng nhận môi trường đối với nông sản xuất khẩu, bao gồm chứng nhận ISO 14001, các quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm. EU cũng rất thận trọng với thực phẩm biến đổi gen, theo đó, EU chỉ cho phép nhập khẩu với một số giống biến đổi gen như đậu nành, hạt cải dầu và ngô, chủ yếu được sử dụng trong ngành thức ăn chăn nuôi. Còn với mục đích tiêu dùng, hầu hết các doanh nghiệp thực phẩm trong EU không bán thực phẩm biến đổi gen.

#### *3.1.2. Một số quy định riêng trong quan hệ Việt Nam – EU:*

Các quy định về rào cản xanh trong thương mại giữa Việt Nam và EU đã được thể hiện trong nhiều cam kết khác nhau trong các cam kết giữa Việt Nam và EU. Gần đây nhất là các cam kết trong EVFTA, bao gồm các cam kết ràng buộc Việt Nam/EU trong việc ban hành và thực thi các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS).

Về các cam kết chính có liên quan đến rào cản xanh trong thương mại, Chương 6 EVFTA nhấn mạnh trách nhiệm bảo đảm

tuân thủ các nghĩa vụ về SPS theo WTO. Bên cạnh đó, nội dung chương 6 cũng bổ sung thêm một số cam kết mới như: Cam kết về việc áp dụng thống nhất các biện pháp SPS đối với hàng hóa nhập khẩu từ Bên kia; Cam kết về việc miễn kiểm tra SPS với cơ sở sản xuất; Công nhận tương đương các biện pháp SPS của nhau; Biện pháp SPS khẩn cấp;...(Trung tâm WTO, 2021b)

*Liên quan tới các biện pháp SPS với hàng nhập khẩu, có một số cam kết đáng chú ý như sau: (Trung tâm WTO, 2021b)*

- Biện pháp SPS phải được áp dụng thống nhất đối với toàn bộ lãnh thổ của Bên xuất khẩu (ngoại trừ hàng hóa từ các vùng có nguy cơ), điều này có nghĩa là thủ tục kiểm soát về SPS đối với hàng nhập khẩu phải được áp dụng thống nhất với mọi nước thành viên trong EU (trừ khi hàng hóa nhập khẩu có liên quan tới khu vực dịch bệnh).

- Biện pháp SPS được thiết lập phải dựa trên các căn cứ khoa học, ít gây ra hạn chế thương mại nhất có thể; phù hợp với rủi ro có liên quan, được áp dụng công bằng, rõ ràng, không phân biệt đối xử.

- Bên xuất khẩu phải tuân thủ các yêu cầu nhập khẩu của Bên nhập khẩu.

- Bên nhập khẩu có quyền thực hiện kiểm tra hàng nhập khẩu theo mức độ rủi ro về SPS, tuy nhiên, bên nhập khẩu phải cung cấp thông tin đầy đủ về tần suất tiến hành kiểm tra và điều chỉnh tần suất cho phù hợp.

- Cả hai bên Việt Nam và EU phải thiết lập và cập nhật danh sách các loại sâu bệnh được kiểm soát và cung cấp các danh sách này cho Bên còn lại. Hai bên chỉ áp dụng SPS đối với các loại sâu bệnh thuộc diện phải kiểm soát mà Bên nhập khẩu lo ngại.

*Cam kết về quyền áp dụng biện pháp SPS theo khu vực địa lý:*

Theo EVFTA, EU và Việt Nam được quyền áp dụng các biện pháp SPS riêng theo phân vùng địa lý, tùy thuộc nguy cơ sâu bệnh và dịch bệnh. Cụ thể, nếu trên lãnh thổ Bên xuất khẩu có vùng nguy cơ dịch bệnh cao, có vùng nguy cơ thấp và có vùng không có nguy cơ đối với hàng hóa nhập khẩu trong cùng một thời điểm thì Bên nhập khẩu sẽ có quyền chủ động phân vùng địa lý theo nguy cơ dịch bệnh và áp dụng các biện pháp SPS khác nhau. Việt Nam/EU cũng có quyền áp dụng các biện pháp SPS khác nhau đối với hàng hóa của mình xuất khẩu đi ở các vùng địa lý khác nhau theo nguy cơ dịch bệnh này. (Trung tâm WTO, 2021b)

*Cam kết về việc miễn thanh tra doanh nghiệp*

Theo quy định hiện tại của EU, các doanh nghiệp muốn xuất khẩu một số sản phẩm nông sản thực phẩm, đặc biệt là nhóm thủy sản sang EU thì phải được kiểm tra, xác minh và chấp thuận từ EU rằng đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất. Tuy nhiên, trong EVFTA, để tạo thuận lợi cho 2 bên, đã có nội dung cam kết về việc miễn thủ tục thanh tra của Bên nhập khẩu đối với các đơn vị sản xuất đã đủ tiêu chuẩn theo chứng nhận từ cơ quan có thẩm quyền của Bên xuất khẩu. (Trung tâm WTO, 2021b)

*Cam kết về công nhận biện pháp SPS tương đương giữa Việt Nam và EU:*

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU không đạt được cam kết bắt buộc nào về việc công nhận tương đương, tuy nhiên đã có cơ chế để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc công nhận tương đương, nếu có. Cụ thể:

- Với tư cách là Bên xuất khẩu, EU hoặc Việt Nam đều có quyền yêu cầu Bên kia (Bên nhập khẩu) công nhận tương đương đối với một hay một số biện pháp SPS cụ thể;

- Bên nhập khẩu phải bắt đầu thủ tục tham vấn về công nhận tương đương trong vòng 03 tháng kể từ khi nhận được yêu cầu này, như vậy, so với thời hạn mà WTO quy định là ngắn hơn 6 tháng. Việc xem xét tính tương đương cần được các bên tiến hành nhanh chóng, đặc biệt là với các sản phẩm đã từng nhập khẩu từ Bên xuất khẩu; Bên nhập khẩu cần xem xét đầy đủ yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật của Bên xuất khẩu nhằm tạo thuận lợi cho việc công nhận tương đương;

- Trong khi Bên nhập khẩu đang xem xét về việc công nhận tính tương đương, hoạt động nhập khẩu sản phẩm liên quan sẽ vẫn được tiến hành bình thường, không bị ngừng hoặc hoãn lại vì lý do này. (Trung tâm WTO, 2021b)

#### *Cam kết về các biện pháp SPS khẩn cấp*

Theo EVFTA, Bên nhập khẩu có quyền áp dụng các biện pháp SPS khẩn cấp cần thiết với mục đích bảo vệ sức khỏe, tính mạng của con người và động thực vật mà không cần phải báo trước. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp này phải được cân nhắc để mức độ ảnh hưởng tới thương mại là thấp nhất có thể. Ngoài ra, Bên nhập khẩu phải thông báo cho nước xuất khẩu về biện pháp này trong vòng 24 giờ. Trong vòng 10 ngày kể từ khi có thông báo, nếu Bên xuất khẩu có yêu cầu thì phải thực hiện tham vấn về tình trạng khẩn cấp liên quan. (Trung tâm WTO, 2021b)

#### *Cam kết riêng cho Việt Nam về hỗ trợ kỹ thuật và hướng linh hoạt về SPS:*

EVFTA có ghi nhận một số cam kết riêng, tạo cơ chế linh hoạt hơn cho phía Việt Nam, theo đó phía EU cam kết sẽ có hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam để có thể đáp ứng các quy định SPS của EU. EU có nghĩa vụ phải

cân nhắc đến nhu cầu đặc biệt của Việt Nam trong việc duy trì xuất khẩu các sản phẩm liên quan tới các biện pháp SPS mới ban hành. Việt Nam có thể yêu cầu Ủy ban SPS hỗn hợp theo Hiệp định này tham vấn và quyết định về một trong ba giải pháp linh hoạt nếu nhận thấy biện pháp SPS khó đáp ứng, đó là: Cho một khoảng thời gian quá độ để Việt Nam có thể tuân thủ biện pháp này; EU chấp nhận thay thế bằng một biện pháp SPS tương đương; hoặc EU hỗ trợ kỹ thuật để giúp cho phía Việt Nam dần dần đáp ứng được biện pháp này. (Trung tâm WTO, 2021b)

### ***3.2. Thực trạng xuất khẩu nông sản Việt nam sang EU trong bối cảnh các rào cản xanh***

Trong những năm gần đây, xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU có xu hướng tăng lên. Mặc dù xuất khẩu Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn từ đại dịch Covid-19, nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành nông nghiệp vẫn tăng khá, đặc biệt, nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đã thâm nhập được thị trường khó tính bậc nhất thế giới là Liên minh châu Âu (EU). Trong bối cảnh đại dịch, sản xuất nông nghiệp đóng vai trò như bộ đỡ cho nền kinh tế. Sản xuất vẫn giữ đà tăng trưởng, bảo đảm an ninh lương thực trong nước, gia tăng giá trị chuỗi sản xuất nông sản hàng hóa và đóng góp vào kết quả tăng trưởng xuất khẩu của cả nước (Tổng cục Thống kê, 2022). Hiện EU là thị trường xuất khẩu nông sản lớn thứ 3 của Việt Nam (Sau Hoa Kỳ và Trung Quốc) với giá trị khoảng 3,5 tỉ USD/năm tính đến hết năm 2020. Kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam tăng mạnh do nhiều mặt hàng được hưởng thuế suất 0% ngay năm đầu tiên Hiệp định EVFTA có hiệu lực. (Tổng cục Thống kê, 2021).



Bảng 1: Xuất khẩu một số nông sản chính của Việt Nam sang một số thị trường tại EU

Đơn vị: triệu USD

Mã HS	Hàng hóa		2018	2019	2020
7	Rau và một số loại rễ, củ; ăn được	Pháp	2.93	4.08	4.48
		Đức	1.58	2.31	2.81
		Ý	2.36	3.01	2.90
		Hà Lan	1.64	2.48	2.85
8	Quả và các loại hạt, ăn được; vỏ của trái cây họ cam quýt hoặc dứa	Áo	0.01	0.02	0.04
		Pháp	63.85	70.12	75.78
		Đức	120.26	141.25	138.37
		Ý	55.05	51.38	49.54
9	Cà phê, chè và gia vị	Pháp	78.13	63.25	40.96
		Đức	470.64	386.26	367.15
		Ý	244.52	223.81	222.48
		Hà Lan	59.50	57.99	60.19
10	Ngũ cốc	Pháp	0.66	1.15	2.18
		Đức	1.61	3.54	5.27
		Ý	1.00	5.61	5.65
		Hà Lan	2.19	3.41	4.48
11	Sản phẩm của ngành xay xát; mạch nha, tinh bột, inulin, gluten lúa mì	Pháp	0.37	0.24	0.47
		Đức	0.46	0.30	1.26
		Ý	0.12	0.77	0.92
		Hà Lan	2.16	3.20	3.38

Nguồn: UN Comtrade, 2022

Trong số các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang EU, nhóm trái cây và các loại hạt; chè, cà phê là những nhóm hàng nông sản hiện đang có giá trị xuất khẩu tương đối cao sang EU. Đặc biệt, kể từ khi Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực, nhiều lô xuất khẩu nông sản sang EU tận dụng ưu đãi theo Hiệp định, như: Thủy sản tôm đông lạnh; Trái cây (gồm bưởi, thanh long) xuất khẩu đi Anh, Đức, Hà Lan; chanh leo xuất khẩu sang Đức; Gạo thơm xuất khẩu sang Séc... Đây là những lô

nông sản đầu tiên được hưởng thuế suất 0% khi xuất khẩu vào EU.

Tuy nhiên, trong 10 năm qua, xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU tăng trưởng không cao, bình quân khoảng 6,7%/năm; giá trị xuất khẩu hàng nông sản nhìn chung vẫn ở mức thấp. Phần lớn nông sản xuất đi là ở dạng thô hoặc được sơ chế có giá trị gia tăng thấp, còn lượng hàng có chế biến sâu, mang lại giá trị gia tăng cao còn hạn chế. Các nguyên nhân chủ yếu bao gồm: Liên kết lỏng

lèo từ khâu sản xuất, thu gom đến phát triển vùng nguyên liệu, chế biến; công nghệ sản xuất vẫn còn lạc hậu, kiểm soát an toàn thực phẩm còn bất cập, đầu tư còn hạn chế; sản xuất nhỏ lẻ, phân tán; đầu vào có chất lượng không cao, thiếu ổn định...(Nhóm Ngân hàng thế giới, 2016)

Dự báo, xuất khẩu của một số nông sản sẽ tăng đáng kể cho tới năm 2025 nhờ EVFTA, như gạo (tăng thêm 65%), đường (8%), thịt lợn (4%), lâm sản (3%), thịt gia súc, gia cầm (4%)... (Cổng thông tin Bộ Công thương, 2020). Như vậy, tiềm năng để hàng nông sản nước ta thâm nhập vào Châu Âu còn khá lớn.

Bên cạnh đó, dù tiềm năng không nhỏ, nhưng xuất khẩu nông sản sang khu vực thị trường này cũng đối mặt với nhiều trở ngại lớn từ các hàng rào xanh trong thương mại. Chế tài của EU với các sản phẩm thực phẩm vi phạm các quy định rất nghiêm khắc. Nếu vi phạm liên quan đến các rào cản xanh như rủi ro mất an toàn thực phẩm, hệ thống cảnh báo nhanh trực tuyến về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi (RASFF) có thể được kích hoạt

để gửi thông báo đến tất cả các nước thành viên của EU. Từ đó, các cơ quan nước thành viên có thể áp dụng các biện pháp khác nhau, mà hình thức nghiêm trọng nhất là tạm dừng hoặc dừng nhập khẩu toàn bộ hoặc một phần các sản phẩm nông sản từ nước vi phạm. Nếu vi phạm có liên quan tới sức khỏe thực vật, lô hàng nông sản có thể bị tiêu hủy hoặc đưa ra khỏi EU.

Tuy vậy, tỷ lệ từ chối các nông sản của EU vẫn thấp hơn một số nước có thu nhập cao khác. Bảng tóm tắt số lượng từ chối tổng hợp đối với nông sản xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020 của Úc, EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Trung Quốc. Sự gia tăng số lượng từ chối có thể phản ánh cả sự gia tăng về khối lượng hàng xuất khẩu và tỷ lệ không tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm. Đây cũng là 5 quốc gia có số lượng từ chối nhập khẩu cao nhất với các nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Đáng chú ý là số lượng từ chối của EU luôn luôn thấp thứ 2 (sau thị trường Úc) trong cả giai đoạn 2010-2020, và khá ổn định.

Bảng 2: Tóm tắt số lượng từ chối tổng hợp đối với sản phẩm nông sản của Việt Nam

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	TỔNG
<b>Australia</b>	46	36	38	36	42	47	27	62	62	15	72	483
<b>EU-28</b>	70	107	67	75	120	80	63	69	55	49	38	793
<b>Nhật</b>	115	157	122	68	55	67	59	62	54	59	65	883
<b>Hoa Kỳ</b>	338	227	215	174	236	150	217	183	169	283	126	1909
<b>Trung Quốc</b>	63	63	48	36	104	73	71	113	80	119	236	1006
<b>TỔNG</b>	632	590	490	389	557	417	437	489	420	525	537	5483

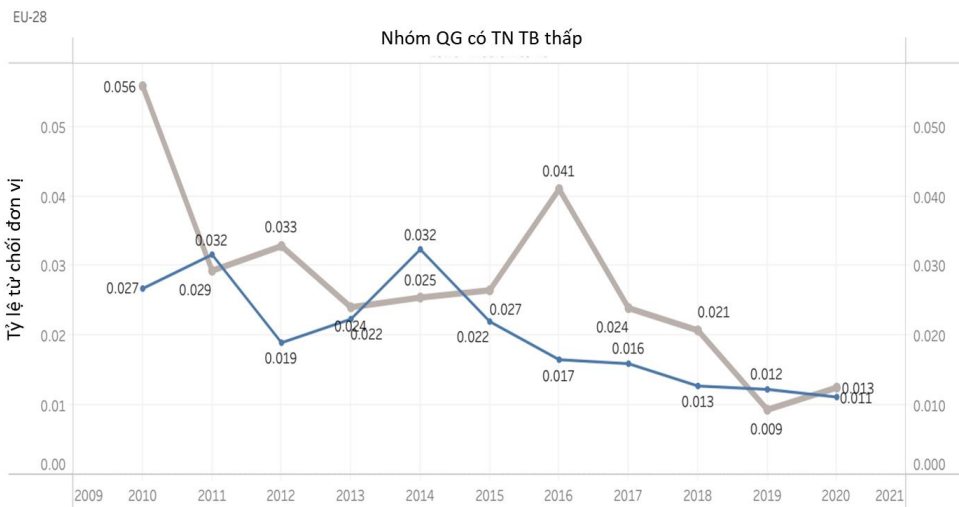
Nguồn: UNIDO, <https://hub.unido.org/data-sources>, 2022

Biểu đồ đường dưới đây thể hiện tỷ lệ từ chối đơn vị sản phẩm nông sản xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020 cho EU. Tỷ lệ từ chối đơn vị của quốc gia (đường nét mảnh) được so sánh với tỷ lệ từ chối đơn

vị trung bình cho nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp theo cách phân loại của Ngân hàng Thế giới (đường nét đậm). Tỷ lệ từ chối đơn vị là số lượng từ chối trên 1 triệu đô la Mỹ hàng nhập khẩu. Chỉ số này tính

đến những thay đổi về khối lượng hàng xuất khẩu để nó cung cấp một thước đo trực tiếp về tỷ lệ không tuân thủ. Tỷ lệ từ chối đơn vị

cao hơn cho thấy một quốc gia xuất khẩu không tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm cao hơn.

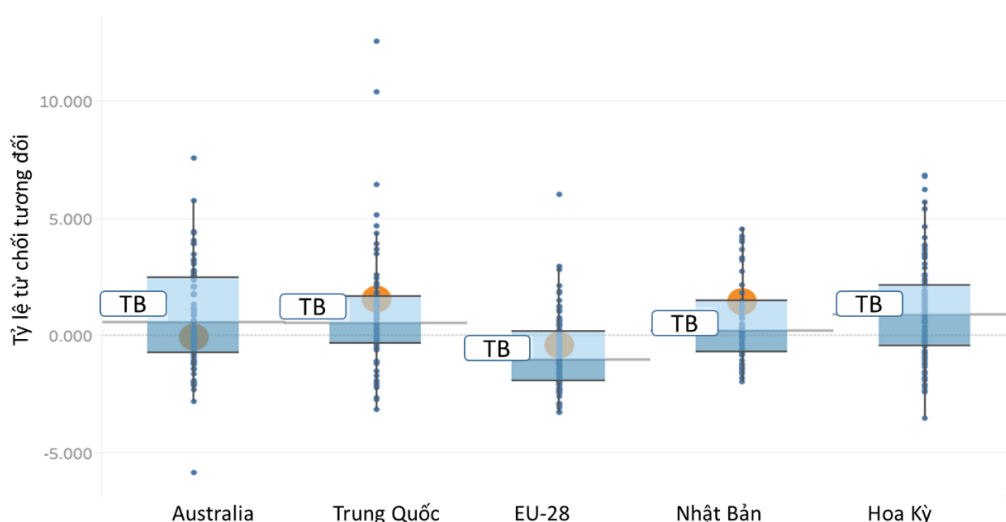


Hình 1: Số lượng sản phẩm nông nghiệp bị từ chối trên mỗi đơn vị nhập khẩu tại EU theo giá trị trong giai đoạn 2010-2020

Nguồn: UNIDO, <https://hub.unido.org/data-sources>, 2022

Trong số các đối tác thương mại chủ yếu của Việt Nam, EU là đối tác có tỷ lệ từ chối trên mỗi triệu đô nhập khẩu nông sản Việt Nam thấp nhất, đặc biệt, tỷ lệ này có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Từ

năm 2015, tỷ lệ này luôn thấp hơn so với mức trung bình của nhóm quốc gia có thu nhập trung bình thấp (trừ năm 2019). Đây là một điểm tích cực cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU.



Hình 2: Tỷ lệ từ chối tương đối của hàng nông sản xuất khẩu Việt Nam sang một số thị trường chính

Nguồn: UNIDO, <https://hub.unido.org/data-sources>, 2022

Biểu đồ thanh cho thấy sự phân bố tỷ lệ từ chối tương đối (tỷ lệ log) giữa các thị trường

cho một quốc gia xuất khẩu được chọn đối với một sản phẩm nhất định trong một năm

nhất định. Chỉ số này cung cấp một thước đo thuận tiện về kết quả hoạt động của các quốc gia so với nhau trong một năm hoặc trong một khoảng thời gian. Tỷ lệ từ chối tương đối (tỷ lệ log) của một quốc gia xuất khẩu ở một thị trường này cao hơn so với các thị trường khác có nghĩa là việc thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm ở thị trường đó kém hơn so với các thị trường khác. Nhìn vào biểu đồ, có thể thấy rằng, so với các thị trường khác như Nhật Bản, Hoa Kỳ và Úc, Việt Nam có nhiều cơ hội xuất khẩu nông sản sang EU hơn cả.

Về lý do từ chối sản phẩm xuất khẩu nông sản từ Việt Nam vào EU, theo dữ liệu cung cấp bởi UNIDO, hàng nông sản xuất khẩu Việt Nam sang EU phần lớn bị từ chối bởi nhiễm khuẩn (20,96%); kim loại nặng (16,05%); tồn dư thuốc thú y (15,57%); dư lượng thuốc trừ sâu (11,02%); phụ gia (7,43%). Điều này cho thấy, để vượt qua rào cản xanh để xuất khẩu vào khu vực EU, sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam cần hết sức chú trọng các vấn đề trên để nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản. (UNIDO, 2022)

#### 4. Kết luận

Như vậy, có thể thấy rằng, hiệp định thương mại tự do Việt Nam –EU đem đến nhiều cơ hội lớn cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU. Tuy nhiên, dưới tác động của các rào cản thương mại xanh, hàng nông sản Việt Nam sẽ không dễ dàng tận dụng các cơ hội để xuất khẩu sang thị trường này. Nhìn vào các số liệu thực trạng xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU thời gian qua, các tác động là chưa rõ nét. Tuy nhiên, trong bối cảnh gia tăng các rào cản xanh trong thương mại, xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU sẽ đứng trước những tác động tích cực và tiêu cực như sau:

##### *Về tác động tích cực:*

Thứ nhất, công nghệ sản xuất nông nghiệp hiện có của Việt Nam tương đối lạc hậu, hiệu

quả sản xuất không cao, giá trị gia tăng sản phẩm thấp. Tiêu chuẩn xanh có thể nâng cao chất lượng nông sản của Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển của khoa học và công nghệ nông nghiệp, giúp điều chỉnh cơ cấu sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế để tiếp cận các thị trường có yêu cầu khắt khe về sản phẩm như EU. Đồng thời, thúc đẩy việc xây dựng và thực hiện các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan và đẩy nhanh việc thực hiện sản xuất xanh và trình độ công nghiệp cao hơn trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ hai, hàng rào xanh có ý nghĩa rõ ràng đối với sức khỏe con người và bảo vệ môi trường. Với việc nâng cao và phổ biến nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường, ngành sản xuất nông nghiệp Việt Nam cũng sẽ tăng cường nỗ lực đào tạo nhân sự, tích cực phát triển thêm các sản phẩm xanh và công nghệ bảo vệ môi trường, đồng thời loại bỏ dần những sản phẩm gây ô nhiễm nghiêm trọng và lãng phí tài nguyên. Điều này sẽ không chỉ thúc đẩy thương mại xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp mà còn tăng việc làm cho các ngành có liên quan ở Việt Nam.

Thứ ba, các rào cản xanh có tác động tích cực to lớn đến việc thúc đẩy chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam và cân bằng sự tương tác lành mạnh giữa thương mại và môi trường. Với việc tham gia các cam kết liên quan đến tiêu chuẩn xanh trong nông nghiệp thông qua EVFTA và các hiệp định khác, Việt Nam sẽ có định hướng đúng để lựa chọn các quy định phù hợp với các cam kết khu vực và quốc tế để thực hiện phối hợp và ngoại giao thương mại, nhằm cải thiện các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường của quốc gia, vượt qua hạn chế nút thắt xanh, thúc đẩy trình độ quản lý và trình độ kỹ thuật và giám sát sản xuất. Chi phí, v.v., có lợi cho việc phân bổ hiệu quả tài nguyên và cân bằng sinh thái nói chung.

**Về tác động tiêu cực:**

Thứ nhất, các rào cản xanh làm giảm hiệu quả xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam và làm tăng thâm hụt thương mại. Trong những năm gần đây, các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU và các nước và khu vực phát triển khác đã lợi dụng những sơ hở trong các điều khoản về bảo vệ môi trường của hiệp định WTO để hạn chế xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam bằng cách tăng các mặt hàng thuế nghiêm và nâng cấp tiêu chuẩn kiểm dịch. Vì vậy, với những quy định khắt khe về vệ sinh dịch tễ và an toàn thực phẩm, Việt Nam sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và thâm nhập thị trường EU trong thời gian tới

Thứ hai, các rào cản thương mại xanh làm tăng chi phí xuất khẩu và làm suy yếu khả năng cạnh tranh quốc tế của các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam. Hiện tại, quy trình sản xuất nông nghiệp, tiêu chuẩn chất lượng và công nghệ đóng gói của Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu của các nước phát triển trong đó có EU. Trong khi đó, các rào cản xanh toàn cầu và nhiều các tiêu chuẩn kỹ thuật tiếp tục phát triển, do đó Việt Nam cần phải mất quá nhiều thời gian và tiền bạc để đánh giá lại nông sản, mua thiết bị kiểm dịch và họ cũng phải trả phí cao để được cấp thẻ xanh, xin chứng nhận, điều chỉnh bao bì và nhãn sản phẩm. v.v ... làm tăng gánh nặng cho doanh nghiệp và mất lợi thế cạnh tranh về giá trên thị trường quốc tế.

Thứ ba, rào cản xanh có thể dẫn đến mâu thuẫn thương mại song phương và đa phương giữa Việt Nam và các nước khác. Các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam xuất khẩu thường đạt hoặc vượt các tiêu chuẩn kiểm dịch trong nước về chất lượng và an toàn, tuy nhiên, do khoảng cách giữa tiêu chuẩn chất lượng và bảo vệ môi trường của Việt Nam và các tiêu chuẩn nghiêm ngặt ở nhiều nước phát triển như EU, các nước nhập khẩu thường chặn hàng nông sản của Việt Nam, sau đó đòi bồi thường và trả lại hàng hóa. Do đó, xung đột thương mại chắc chắn sẽ gia tăng và trong thời gian dài, nó sẽ phá hủy mối quan hệ thương mại tốt đẹp giữa Việt Nam và các thị trường xuất khẩu tại EU.

Như vậy, trong thời gian tiếp theo, để có thể thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU, đáp ứng các yêu cầu về rào cản xanh trong thương mại, thì các ngành nông nghiệp Việt Nam còn nhiều việc cần hoàn thiện, như nâng cao chất lượng sản phẩm; thúc đẩy các hoạt động sản xuất và chế biến, tiêu thụ theo chuỗi khép kín, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất từ Châu Âu. Bên cạnh đó, cần đặc biệt quan tâm đến các khía cạnh của phát triển bền vững như bảo vệ môi trường, sử dụng lao động vì đây là những vấn đề mà EU đang hết sức coi trọng trong sản xuất nông nghiệp./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Brandi, C., Schwab, J., Berger, A. & Morin, J.-F. 2020. Do environmental provisions in trade agreements make exports from developing countries greener? *World Development*, 129.
- Chen, C., Yang, J. & Findlay, C. 2008. Measuring the Effect of Food Safety Standards on China's Agricultural Exports. *Review of World Economics*, 144, 83-106.

- Darhyati, A. T., Suharno, S. & Rifin, A. 2017. Impact of Non Tariff Measure on Indonesian Cacao Exports *International Journal of Agriculture System (IJAS)* 5, 175-184.
- Giang, N. H., Thủy, N. K. P., Dương, H. T. T. & Hoa, L. M. 2022. Ảnh hưởng của các biện pháp phi thuế quan đối với ngành nông sản: Tổng quan lý thuyết. Hà Nội: Đại học Ngoại thương.
- Gibson, M. J. & Wang, Q. 2017. Sanitary and phytosanitary measures in Chinese agricultural exports: the role of trade intermediaries *Applied Economics* 50, 3007-3015.
- Grant, J. H., Peterson, E. & Ramniceanu, R. 2015. Assessing the Impact of SPS regulations on U.S. Fresh Fruit and Vegetable Exports. *Journal of Agricultural and Resource Economics*, 40, 144-163.
- Henson, S. & Loade, R. 2001. Barriers to Agricultural Exports from Developing Countries: The Role of Sanitary and Phytosanitary Requirements. *World Development*, 29, 85-102.
- Khôi, N. V. & Thuy, L. T. T. 2014. Green trade barriers and Vietnam's agricultural and fishery export. *Journal of Globalization Studies*, 5, 69-80.
- Kuppusamy, M. & Gharleghi, B. 2014. Green Barriers and China's Agricultural Product Export: Is There Any Relationship? *Asian Social Science*, 10, 34-41.
- Li, L. & Zhu, H. 2020. Analysis on Trade Effect of Green Barriers and on Agricultural Product Export and Maritime Transport in China *Journal of Coastal Research (2020)*, 477-480.
- Li, Y. & C.Beghin, J. 2012. A meta-analysis of estimates of the impact of technical barriers to trade. *Journal of Policy Modeling*, 34, 497-511.
- Medin, H. 2018. Trade barriers or trade facilitators? The heterogeneous impact of food standards in international trade. *The World Economy*, 42, 1057-1076.
- Mingque, Y. & Slisava, A. 2016. Impact of Russian Non-Tariff Measures on European Union Agricultural Exports. *International Journal of Economics and Finance*, 8, 40-47.
- Ngatsi, E. B. F., Flore, D. M., Joslanie, D. T. & NOËL, B. G. 2021. Effect of Quality Standards on the Performance of Agricultural Exports in Cameroon. *Asian Journal of Agricultural Extension, Economics & Sociology*, 39, 134-145.
- Nhóm Ngân Hàng Thế Giới 2016. Báo cáo phát triển Việt Nam 2016: Chuyển đổi Nông nghiệp Việt Nam tăng giá trị, giảm đầu vào. Hà Nội: Ngân hàng thế giới.
- Ren, D. 2018. Study on the Influence of Green Trade Barrier on the International Trade of Agricultural Products in China. *2018 7th International Conference on Social Science, Education and Humanities Research (SSEHR 2018)*.
- Shepherd, B. & L.W.Wilson, N. 2013. Product standards and developing country agricultural exports: The case of the European Union. *Food Policy*, 42, 1-10.
- Su, Y. 2021. Influence and Countermeasures of Green Trade Barriers on Agricultural Products Export Based on Data Analysis Technology. *The International Conference on Cyber Security Intelligence and Analytics*.
- Thái, N. Q. 2020. Các biện pháp SPS và TBT đối với hàng rau quả xuất khẩu sang EU-27. *Tạp chí công thương điện tử*.

- Thu, N. A. & Phuong, Đ. T. 2014. Nghiên cứu các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS) và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) hàng xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt trên các thị trường xuất khẩu chủ yếu. Hà Nội: Dự án hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư của Châu Âu.
- Thủy, N. B. 2020. Rào cản phi thuế quan đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. *Tạp chí Công sản điện tử*.
- Tổng Cục Thống Kê 2021. Số liệu về Trị giá xuất khẩu hàng hoá phân theo khối nước. Hà Nội.
- Tổng Cục Thống Kê 2022. Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản bộ đỡ cho nền kinh tế và tầm nệm cho công tác an sinh xã hội năm 2021. Hà Nội.
- Trung Tâm WTO 2021a. EVFTA và rào cản từ EU với hoa quả Việt Nam: Các biện pháp SPS chính mà EU áp dụng đối với mặt hàng trái cây tiềm năng của Việt Nam.
- Trung Tâm WTO 2021b. Tóm tắt chương 6 - Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật (SPS). *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU*.
- Wei, G., Huang, J. & Yang, J. 2012. The impacts of food safety standards on China's tea exports. *China Economic Review*, 23, 253-264.
- Wei, W. Research on Green Barriers of China's Agricultural Products and Countermeasures Fourth International Conference on Economic and Business Management (FEBM 2019), 2019. 193-196.
- Wongmonta, S. Evaluating the impact of sanitary and phytosanitary measures on agricultural trade: evidence from Thai fruit exports to China. *The Singapore Economic Review*.
- Wood, J., Wu, J., Li, Y. & Jang, H. 2017a. The Economic Impact of SPS Measures on Agricultural Exports to China: An Empirical Analysis Using the PPML Method. *Social Sciences*, 6.
- Wood, J., Wu, J., Li, Y. & Kim, J. 2017b. TBT and SPS impacts on Korean exports to China: empirical analysis using the PPML method. *Asian-Pacific Economic Literature*, 31, 96-114.
- Wood, J., Wu, J., Li, Y. & Kim, J. 2019. The Impact of TBT and SPS Measures on Japanese and Korean Exports to China. *Sustainability*, 11.
- Xue, X. 2010. The study of agricultural product export deals with the green barrier strategy in China under the environmental protection. *The 2nd International Conference on Information Science and Engineering*. Hangzhou, China.